

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : L36CCĐ1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 123L0671005-801 - V t l l i c ng H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3610101118	L36CCĐ1	Lé ã C H NG ÂN	12/08/1988				8.0	6.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
2	3610101086	L36CCĐ1	NGUY N Vĩ N BÌNH	13/08/1988				5.0	8.0		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
3	3610101119	L36CCĐ1	NGUY N XUĆN DANH	18/02/1984				5.0	7.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
4	3610101045	L36CCĐ1	NGUY N ã l NG H I	31/05/1988				5.0	8.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	DAU
5	3610101001	L36CCĐ1	TR N DUY HI U	20/03/1983				7.0	6.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	DAU
6	3610101159	L36CCĐ1	PH M HÙNG	21/09/1990				6.0	8.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	DAU
7	3610501112	L36CXD1	NGUY N T N H NG	15/09/1988				6.0	7.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
8	3610401079	L36COT1	Lé ã l NG KHOA	10/10/1988				7.0	6.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	DAU
9	3610501003	L36CXD1	NGĐ NH T KHOAN	24/06/1989				6.0	7.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	DAU
10	3610501100	L36CXD1	H ã Đ NH LAN	02/03/1990				7.0	6.0		6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
11	3610501143	L36CXD1	Lé Vĩ N LÃM	20/09/1990				7.0	7.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	DAU
12	3610101085	L36CCĐ1	BỂ I TI N M NH	13/09/1984				6.0	8.0		7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
13	3610401040	L36COT1	H S M NH	09/09/1989				8.0	9.0		8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
14	3610501009	L36CXD1	TR N BĆ NINH	10/01/1988				7.0	6.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	DAU
15	3610101028	L36CCĐ1	L U T N PHÁT	28/07/1989				8.0	6.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
16	3610401095	L36COT1	H VĐ PHONG	06/12/1989				7.0	7.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	DAU
17	3610501116	L36CXD1	Vĩ Vĩ N PH N G	01/05/1990				6.0	7.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
18	3610501134	L36CXD1	NGUY N H NG QUANG	26/05/1989				7.0	6.0		6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
19	3610401150	L36COT1	NGUY N VINH QUANG	21/08/1986				7.0	6.0		6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L36CCĐ1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 123L0671005-801 - V t l ấ L ấ c ng H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3610101054	L36CCĐ1	CAO VI T QU ấ	24/04/1989				5.0	8.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	DAU
21	3610101074	L36CCĐ1	TR N V ấ N QU ấ	13/04/1991				5.0	6.0		5.5	1.7	0.0	0.0	1.7	
22	3610101038	L36CCĐ1	NGUY N ấ C S N	30/10/1991				8.0	6.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	DAU
23	3610501055	L36CXD1	D NG MINH T ấ	06/10/1990				7.0	7.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	DAU
24	3610101059	L36CCĐ1	L ấ V ấ N T ầ NH	21/09/1987				9.0	8.0		8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	DAU
25	3610401154	L36COT1	H H U TU N	12/04/1987				5.0	7.0		6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
26	3610101097	L36CCĐ1	HU ấ NH NG C TU N	10/10/1986				9.0	7.0		8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
27	3610101093	L36CCĐ1	PH M V ấ N TU N	29/03/1990				6.0	8.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
28	3610501110	L36CXD1	TR N MINH TU N	20/05/1991				7.0	6.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	DAU
29	3610101064	L36CCĐ1	L ấ V ấ N TUY ầ N	28/12/1990				6.0	7.0		6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
30	3610101163	L36CCĐ1	L ấ TR N THANH T ầ NH	01/01/1986				7.0	7.0		7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
31	3610101092	L36CCĐ1	MAI THANH TH ấ	01/01/1990				5.0	8.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
32	3610101103	L36CCĐ1	CAO V ấ N TH NG	25/05/1989				5.0	8.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
33	3610101083	L36CCĐ1	NGUY N V ấ N TH NG	07/03/1988				7.0	6.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	DAU
34	3610101046	L36CCĐ1	PH M THANH TH Y	06/08/1989				7.0	7.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	DAU
35	3610501030	L36CXD1	HU ấ NH V ấ N TRUNG	15/09/1989				6.0	7.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	DAU
36	3610501090	L36CXD1	NGUY N TH ấ NH TRUNG	07/07/1988				6.0	5.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	DAU

T ñg s : 36 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa